

Bản án số: 71/2022/DS - PT

Ngày: 20- 9 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tham gia
chương trình ưu đãi học phí.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Vương Thảo

Các Thẩm phán:

Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Duy Đức, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 65/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tham gia chương trình ưu đãi học phí*” .

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXPT – DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 72/2022/QĐHPT – DS ngày 31 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Lương Thị T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ngõ T, phố B, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Ngô Thị H, sinh năm: 1994, địa chỉ: đường T, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng, tham gia tố tụng theo Giấy uỷ

quyền ngày 16/9/2021 được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh chứng thực. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B.

Địa chỉ: đường Ng, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Văn D, sinh năm: 1964, địa chỉ: đường P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền ngày 22/10/2019 của Giám đốc Công ty. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- NLQ 1, sinh năm: 1978, địa chỉ: đường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- NLQ 2, sinh năm: 1982, địa chỉ: đường Đ, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- NLQ 3, sinh năm: 1984, địa chỉ: phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- NLQ 4, sinh năm: 1982, địa chỉ: đường L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B trình bày:

Năm 2017, Bà Lương Thị T đã ký kết 02 hợp đồng tham gia chương trình ưu đãi học phí với Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B, với mục đích cho hai con của bà được theo học tại Trường mầm non C do Công ty B làm đơn vị chủ quản. Cụ thể: Ngày 10/8/2017, Bà T và Công ty B đã ký kết Hợp đồng số 030-2017/HĐHP/BTC (Hợp đồng 030) với gói ưu đãi 200.000.000 VNĐ để cháu Phạm Minh A được tham gia chương trình học song ngữ tại Trường. Ngày 20/9/2017, Bà T và Công ty B tiếp tục ký kết Hợp đồng số 049-2017/HĐHP/BTC (Hợp đồng 049) với gói ưu đãi 100.000.000 VNĐ để cháu Phạm Quang M được tham gia chương trình học chất lượng cao tại Trường.

Theo đó, quyền và nghĩa vụ của hai bên được thỏa thuận và thống nhất như sau: Về quyền và nghĩa vụ của Bà Lương Thị T: Về nghĩa vụ: Thanh toán tiền tham gia gói ưu đãi trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Tuân thủ thời gian cam kết tham gia chương trình ưu đãi học phí: Đối với Hợp đồng 030, thời hạn cam kết tối thiểu là 02 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng quyền ưu đãi (ngày 17/8/2017); đối với Hợp đồng 049, thời hạn cam kết tối thiểu là 01 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng quyền ưu đãi (ngày 20/9/2017). Về quyền lợi: Được hưởng quyền ưu đãi học phí: Đối với Hợp đồng 030, cháu Phạm Minh A được giảm 100% học phí cho 02 năm học; đối với Hợp đồng 049, cháu Phạm Quang M được giảm 100% học phí cho 01 năm học. Được hưởng lợi nhuận hàng năm; Đối với Hợp đồng 030, Bà T được hưởng lợi nhuận 12.000.000 VNĐ/năm (hoặc 30.000.000 VNĐ/năm nếu không sử dụng quyền ưu đãi học phí); đối với Hợp đồng 049, Bà T được hưởng lợi nhuận 6.000.000 VNĐ/năm (hoặc 15.000.000 VNĐ/năm nếu không sử dụng quyền ưu đãi học phí). Được hoàn trả 100% giá trị gói ưu đãi bà đã tham gia sau khi kết thúc thời gian cam kết tối thiểu. Đối với Hợp đồng 030, sau khi tham gia chương trình ưu đãi học phí đến hết ngày 17/8/2019 bà T được hoàn trả 200.000.000 VNĐ; đối với Hợp đồng 049, sau khi tham gia chương trình ưu đãi học phí đến hết ngày 20/9/2018 Bà T được hoàn trả 100.000.000 đồng. Được đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Hợp đồng bị chấm dứt do Công ty B vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng.

Quyền và nghĩa vụ của Công ty B: Về nghĩa vụ: Hoàn trả cho Bà T 100% giá trị gói ưu đãi bà đã tham gia (hoàn trả 200.000.000 VNĐ đối với Hợp đồng 030 và 100.000.000 VNĐ đối với Hợp đồng 049) trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian cam kết tối thiểu. Quá thời hạn trên phải chịu phạt trả chậm với mức lãi suất 15%/năm tính trên giá trị gói ưu đãi ban đầu + lợi nhuận Bà T được nhận tại thời điểm nói trên, thanh toán lợi nhuận cho Bà T 12 tháng một lần tính từ thời điểm Bà T sử dụng liên tục quyền ưu đãi: đối với Hợp đồng 030 phải thanh toán lợi nhuận hàng năm vào ngày 17/8/2018 và ngày 17/8/2019, đối với Hợp đồng 049 phải thanh toán lợi nhuận hàng năm vào ngày 20/9/2018. Về quyền lợi: Được nhận toàn bộ giá trị gói ưu đãi 01 lần trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng để Trường và Công ty có nguồn vốn huy động lớn phục vụ cho mục đích hoạt động kinh doanh của mình.

Thực hiện theo nội dung Hợp đồng đã ký kết, Bà T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình với Công ty B: Ngày 17/8/2017 bà đã chuyển 200.000.000 VNĐ tiền tham gia gói ưu đãi đối với Hợp đồng 030 vào tài khoản của Công ty. Ngày 20/9/2017 bà tiếp tục chuyển 100.000.000 VNĐ tiền tham gia gói ưu đãi đối với Hợp đồng 049 vào tài khoản của Công ty. Tuy nhiên, Công ty B vẫn không thực hiện các nội dung đã cam kết trong Hợp đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng 030: Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lợi nhuận 12.000.000 đồng/năm cho bà, mặc dù Bà T đã tham gia gói ưu đãi đủ 12 tháng liên tục từ ngày bắt đầu sử dụng quyền ưu đãi học phí (ngày 17/8/2017 đến ngày 17/8/2018). Bà T đã nhiều lần yêu cầu Công ty thực hiện đúng nghĩa vụ đã cam kết nhưng Công ty vẫn không thực hiện. Do đó, vào ngày 20/9/2018, Bà T đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Đối với Hợp đồng (049, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ hoàn trả 100% giá trị gói ưu đãi bà đã tham gia (100.000.000 đồng) và thanh toán lợi nhuận của 12 tháng là 6.000.000 đồng cho bà, mặc dù bà đã hoàn thành thời hạn cam kết tối thiểu trong Hợp đồng (bà đã tham gia đủ 12 tháng liên tục từ ngày bắt đầu sử dụng quyền ưu đãi học phí (ngày 20/9/2017 đến hết ngày 20/9/2018).

Với mong muốn các bên giải quyết bằng thương lượng, Bà T đã nhiều lần liên hệ trực tiếp và ít nhất 03 lần gửi văn bản đề nghị yêu cầu Công ty B thanh toán thông qua Công ty Luật TNHH P, người đại diện theo ủy quyền của bà. Tuy nhiên, Bà T vẫn không nhận được phản hồi và thiện chí thanh toán từ Công ty B. Với sự không thiện chí hợp tác của Công ty B, Bà T đã khởi kiện vụ việc ra Tòa để yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Bà Lương Thị T yêu cầu Toà án buộc Công ty B thanh toán các khoản sau:

- Đối với Hợp đồng 030: Yêu cầu thanh toán số tiền là 325.835.616 đồng, trong đó: Hoàn trả 100% giá trị gói ưu đãi: 200.000.000 đồng; Yêu cầu Công ty B thanh toán lợi nhuận 12 tháng đầu tham gia gói ưu đãi 200.000.000 đồng x 6%/năm = 12.000.000 đồng; thanh toán lợi nhuận 12 tháng tiếp theo do không sử dụng quyền ưu đãi học phí: 200.000.000 đồng x 15%/năm = 30.000.000 đồng; thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 18/9/2019 đến ngày 04/7/2022 với lãi suất 15%/năm là 200.000.000 đồng x 15%/365 x 1020 ngày = 83.835.616 đồng.

- Đối với hợp đồng 049: yêu cầu thanh toán tổng số tiền là 161.561.643 đồng, trong đó: Hoàn trả 100% giá trị gói ưu đãi: 100.000.000 đồng; Thanh toán lợi nhuận 12 tháng đầu tham gia gói ưu đãi 100.000.000 đồng x 6%/năm = 6.000.000 đồng; tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 21/10/2018 đến ngày 04/7/2022: 100.000.000 đồng x 15%/365 x 1352 ngày = 55.561.643 đồng. Tổng cộng 02 hợp đồng là 487.397.260 đồng

Tại quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Ngô Văn Dũng trình bày:

Ông L mua lại 70% cổ phần của Công ty B vào cuối năm 2018 và hiện giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Trước và sau khi nhận chuyển nhượng cổ phần, Ông L không nhận được bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc Công ty B ký Hợp đồng góp tham gia chương trình ưu đãi học phí với Bà Lương Thị T như NLQ 2 đã nêu trên. NLQ 1 – thời điểm đó là Chủ tịch Hội đồng quản trị là người trực tiếp ký với Bà T. Qua xem xét lại Điều lệ Công ty tại thời điểm NLQ 1 ký kết Hợp đồng thì NLQ 1 không có chức năng và thẩm quyền ký kết. Việc ký kết Hợp đồng góp vốn này của NLQ 1 với Bà Lương Thị T các cổ đông và thành viên của Hội đồng quản trị đều không biết vì không được bàn bạc và thông qua. Đồng thời số tiền đã nhận từ Bà Lương Thị T được sử dụng vào mục đích gì đến thời điểm hiện nay Công ty hoàn toàn không biết và không nắm rõ. Bên cạnh đó, tại Công ty, không có bất cứ quy định nào về việc huy động vốn thông qua các Hợp đồng NLQ 1 đã ký với Bà Lương Thị T.

Ngoài ra: Căn cứ điểm h Điều 1 phần II của Văn bản thỏa thuận Hợp đồng và cam kết về việc chuyển nhượng cổ phần của NLQ 1 tại Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B đối với NLQ 3 (sinh năm 1984, trú: Tổ 07, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng) lập ngày 10/8/2018 thì NLQ 1 đã xác định và cam kết: “...*Tự chịu trách nhiệm với toàn bộ các khoản vay nợ, huy động vốn của Công ty Tư vấn và Đào tạo Bầu Trời Cao và của bên A (được hiểu là NLQ 1) phát sinh với các tổ chức, cá nhân ngoài danh sách cổ đông hiện hữu đã nêu ở khoản g kể từ ngày ký kết Hợp đồng chuyển phần trở về trước*”.

Sau đó, NLQ 3 có chuyển nhượng lại phần vốn góp cho NLQ 4; Cường tiếp tục chuyển nhượng phần vốn góp cho ông Nguyễn Tấn Lợi thì tất cả các văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng giữa NLQ 3 và NLQ 4 và giữa NLQ 4 với Ông L đều xác định Ông L không phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của Công ty từ thời điểm trước khi Ông L mua lại cổ phần của Công ty.

Vì vậy, đại diện cho Công ty B nhận thấy Công ty B không có trách nhiệm trả số tiền mà Bà Lương Thị T yêu cầu trong đơn khởi kiện của Bà T. Đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà yêu cầu và làm rõ trách nhiệm cá nhân của NLQ 1 đối với các khoản huy động vốn thông qua Hợp đồng tham gia Chương trình ưu đãi học phí này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa NLQ 1 vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện:

Trước đây bà là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B, đơn vị sở hữu chuỗi hệ thống Trường Mầm non C và tiểu học FM.

Năm 2017 bà có triển khai chương trình ưu đãi học phí cho học sinh đang học tại trường với những quyền lợi ưu đãi liên quan đến từng mức tiền tham gia và những hợp đồng góp vốn kinh doanh. Tất cả những hợp đồng này được ký bởi pháp nhân Công ty B và bà là chủ tịch Hội đồng quản trị làm đại diện. Những hợp đồng ký trước ngày 29/11/2017 được sự uỷ quyền của NLQ 2 lúc đó làm giám đốc Công ty B, còn những hợp đồng sau ngày 29/11/2017 bà làm giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị nên bà trực tiếp ký. Tất cả những khoản tiền thu từ những hợp đồng này đều được Công ty lập chứng từ thu đầy đủ và thể hiện qua báo cáo tài chính và bảng kê chi tiết công nợ vào tài khoản 3388 trong báo cáo tài chính năm 2017, nội dung chi cũng được thể hiện qua các báo cáo như: trả lãi, gốc, thanh toán công nợ công trình xây dựng trường và chi các khoản lỗ do hoạt động kinh doanh. Đến tháng 8 năm 2018 bà gặp khó khăn trong kinh doanh và sang nhượng lại 70% cổ phần của cá nhân bà cho NLQ 3. Thời gian sau khi bà chuyển nhượng cổ phần, Công ty vẫn tiếp tục duy trì những nội dung trong hợp đồng ưu đãi và giải quyết cản trở học phí đối với hợp đồng hết hạn thay vì hoàn trả 100% gốc thì trong lúc khó khăn công ty vẫn có phương án giải quyết những khả năng thực tế. Những hợp đồng này được ký bởi Công ty nên trách nhiệm thuộc về công ty xử lý. Với trách nhiệm cá nhân và là người trực tiếp ký hợp đồng trong thời điểm đó với những hợp đồng ưu đãi với phụ huynh nên bà vẫn cố gắng làm việc tiếp tại trường để hỗ trợ và giải quyết những vấn đề liên quan trong phạm vi cá nhân bà có thể.

Tại phiên tòa NLQ 2 vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện: Nguyên trước đây bà là Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B. Bà có uỷ quyền cho NLQ 1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty về những nội dung liên quan đến việc trực tiếp đứng ra ký những hợp đồng góp vốn kinh doanh và những hợp đồng tham gia ưu đãi học phí tại cơ sở trường học thuộc Công ty quản lý. Đến ngày 29/11/2017, bà không còn làm giám đốc nữa. Hiện nay bà không liên quan gì tới Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B.

Tại phiên tòa NLQ 3 vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện:

Trước đây NLQ 1 có nợ ông một khoản tiền nhưng không có điều kiện để hoàn trả cho ông nên đã chấp nhận chuyển nhượng toàn bộ 70% vốn cổ phần vốn điều lệ của Công ty B cho ông được toàn quyền sở hữu, sử dụng. Khi chuyển nhượng NLQ 1 cam kết với ông sẽ tự chịu trách nhiệm với toàn bộ khoản nợ vay, huy động vốn của NLQ 1 phát sinh với Công ty B trước thời điểm thỏa thuận, chuyển nhượng cổ phần cho ông, việc thỏa thuận giữa ông và NLQ 1 trên cơ sở tự nguyện, có lập biên bản thỏa thuận ngày 10/8/2018.

Sau đó ông đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trên cho NLQ 4 với mục đích là NLQ 4 lên kế hoạch kinh doanh và thực hiện thủ tục vay thêm của Ngân hàng Kiên Long để có tiền thanh toán lại cho ông. Ông xác định hiện tại ông không liên quan gì đến công ty Cổ phần Bầu Trời Cao nên việc những người góp vốn cho Công ty B khởi kiện thì ông không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NLQ 4 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả trả lời của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an thành phố Đà Nẵng theo Công văn số: 05/CV-CT ngày 18/5/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B đề nghị làm rõ hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản thông qua việc huy động vốn và chương trình ưu đãi học phí của NLQ 1 và NLQ 2. Kiểm sát viên không phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280 của Bộ luật dân sự; - Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQIU4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tham gia chương trình ưu đãi học phí*" của Bà Lương Thị T đối với Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B.

1. Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B phải trả cho Bà Lương Thị T số tiền 487.397.260 đồng (*Bốn trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lại của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/7/2022, bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại bản trình bày ngày 29/8/2022, Công ty cho rằng Công ty không có trách nhiệm trả nợ cho Bà Lương Thị T. Đề nghị làm rõ trách nhiệm của NLQ 2 đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền cho NLQ 1 ký các hợp đồng ưu đãi học phí. Tại Điều lệ Công ty thời điểm NLQ 1 ký kết Hợp đồng thì NLQ 1 không có chức năng và thẩm quyền ký kết và việc ký kết Hợp đồng góp vốn này của NLQ 1 với nguyên đơn thì các cổ đông và các thành viên của Hội đồng quản trị đều không biết vì không được bàn bạc và thông qua. Trước và sau khi nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty, cá nhân ông Nguyễn Tấn Lợi không nhận được bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc ký Hợp đồng huy động vốn cũng như Hợp đồng tham gia chương trình ưu đãi học phí và Hợp đồng góp vốn kinh doanh của nguyên đơn đối với số tiền như trong đơn khởi kiện. Các văn bản chuyển nhượng cổ phần giữa NLQ 1 với NLQ 3, NLQ 3 với NLQ 4; NLQ 4 với Ông L đều xác định bên nhận chuyển nhượng không phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của Công ty trước thời điểm mua lại cổ phần. NLQ 1 đã cùng với em mình là NLQ 2 nhập nhằng trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán như có thể chỉ đạo bộ phận kế toán tạm đưa số tiền huy động được vào dự có trong sổ sách kế toán để rồi thể hiện việc chi phí sử dụng vào mục đích cá nhân hay mục đích nào khác.

Đại diện hợp pháp bị đơn Công ty B có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, theo đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lương Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của Công ty B, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lương Thị T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Công ty đã nhận được công văn trả lời của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng, đồng thời kết quả trả lời của công văn không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án tranh chấp giữa Bà Lương Thị T

và Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B. Bị đơn kháng cáo cho rằng đang chờ kết quả trả lời của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng là không đúng.

NLQ 1, Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B đại diện cho Công ty ký Hợp đồng tham gia gói học phí ưu đãi với Bà Lương Thị T. Do đó Hợp đồng mà Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B (đại diện là NLQ 1) ký với Bà Lương Thị T có hiệu lực pháp luật. Số tiền ký kết từ hợp đồng nêu trên đều được nhập vào ngân sách của Công ty và Công ty đã sử dụng nguồn tiền này để chi trả các khoản nợ cho việc xây dựng trường và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng tháng, chi lương giáo viên, chi phí ưu đãi học tập, mua sắm, bổ sung dụng cụ học tập; được hạch toán trên hệ thống báo cáo tài chính (mục 3388) của Công ty.

Việc Công ty cho rằng khi ký kết hợp đồng này NLQ 1 không thông qua Hội đồng quản trị là việc nội bộ của Công ty với cá nhân NLQ 1, không liên quan đến Bà Lương Thị T. Việc NLQ 1 đã cam kết chịu trách nhiệm về các khoản nợ, huy động vốn của Công ty được xác lập trước ngày 10/8/2018 chỉ là thỏa thuận giữa cá nhân NLQ 1 với NLQ 3, Bà Lương Thị T không được biết nên không phải là sự chuyển giao nghĩa vụ hợp pháp. Việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B không làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công ty trong các giao dịch dân sự đã thực hiện trước đó mà NLQ 1 đã xác lập với tư cách là người đại diện Công ty.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, đề nghị HĐXX giải quyết vụ án theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B, giữ nguyên Bản dân sự sơ thẩm, án phí kháng cáo phúc thẩm Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Các Hợp đồng góp vốn và tham gia chương trình ưu đãi học phí được ký giữa Bà Lương Thị T với Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B được ký giữa một bên là cá nhân, không có đăng ký kinh doanh với một bên là cơ sở giáo dục tư nhân, hoạt động nhằm mục tiêu giáo dục. Mục đích chính của hợp đồng là nhằm hưởng ưu đãi chương trình giáo dục, không phải vì lợi nhuận hay sở hữu cổ phần doanh nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết là phù hợp với

quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm: NLQ 1, NLQ 2, NLQ 3 và NLQ 4 theo địa chỉ có trong hồ sơ vụ án nhưng các đương sự này vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay. Riêng bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa, xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Bị đơn kháng cáo cho rằng cần phải chờ kết quả trả lời của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng theo Công văn số 05/CV-CT ngày 18/5/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B mới giải quyết được vụ án. Xét, hồ sơ vụ án thể hiện ngày 27/6/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã có Công văn số 1239/VPCQCSĐT gửi ông Nguyễn Tấn Lợi thông báo về việc trả lời kết quả theo Công văn số 05/CV-CT của Công ty B với nội dung: yêu cầu của ông Nguyễn Tấn Lợi làm rõ việc NLQ 1 và Lê Thị Tình về hành vi Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án dân sự theo kết quả trả lời của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng là đúng pháp luật. Kháng cáo này của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy:

[2.1] Tại 02 Hợp đồng tham gia chương trình ưu đãi học phí số: 030-2017/HĐHP/BTC ngày 10/8/2017 với gói ưu đãi 200.000.000 đồng và số 049-2017/HĐHP/BTC ngày 20/9/2017 với gói ưu đãi 100.000.000 đồng để thể hiện mục đích thực hiện hợp đồng: *“Điều 1: Hợp đồng này nhằm mục đích thực hiện chương trình ưu đãi học phí năm học 2017 – 2018, mang lại tiện lợi, tiện ích cho cả hai bên, trên cơ sở tôn trọng quyền – lợi ích và trách nhiệm của nhau. 2.2. Tương ứng với mỗi gói học phí sẽ có Thời gian ưu đãi, quyền ưu đãi học phí (hoặc lợi nhuận), 8.2 Trong thời gian bên B (Bà Lương Thị T) sử dụng Quyền ưu đãi học phí, bên B còn được hưởng lợi nhuận với lãi suất 6%/năm (tính trên giá trị gói ưu đãi ban đầu bên B tham gia”*. Mục đích thực hiện hợp đồng là phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty B theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0401411423 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 10/3/2011.

[2.2] Theo Điều lệ của Công ty B ban hành ngày 01/6/2016, Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0401411423 thì thời điểm xác lập các hợp đồng nêu trên NLQ 2 là người đại diện theo pháp luật. Hồ sơ có Giấy uỷ quyền số 22 – 2017 ngày 14/7/2017 do NLQ 2 ký, với nội dung uỷ quyền cho NLQ 1 được ký các hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty. NLQ 1, NLQ 2 thống nhất trình bày NLQ 1 được đại diện cho Công ty B ký kết các Hợp đồng tham gia chương trình ưu đãi học phí theo sự uỷ quyền của NLQ 2. Công ty B biết rõ việc NLQ 1 xác lập các hợp đồng ưu đãi học phí là thực hiện đúng nội dung uỷ quyền, không thuộc trường hợp vượt quá hoặc không được đại diện theo quy định tại Điều 142, 143 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3] Thực hiện hợp đồng, ngày 17/8/2017 Bà T đã chuyển 200.000.000đ theo Hợp đồng 030 và ngày 20/9/2017 bà tiếp tục chuyển 100.000.000đ theo Hợp đồng 049 vào tài khoản của Công ty để cháu Phạm Minh A và cháu Phạm Quang M được tham gia chương trình học chất lượng cao tại Trường, có chứng cứ là các biên lai thu và sao kê chuyển khoản ngân hàng vào tài khoản ngân hàng của Công ty B. Tất cả các khoản thu từ hợp đồng đều được thể hiện chi tiết trong báo cáo tài chính năm 2017 vào tài khoản 3388, Chi tiết công nợ phải trả, sổ sách kế toán thu chi hàng tháng có liệt kê tên và số tiền của Bà Lương Thị T. Giao dịch được xác lập giữa Bà T với Công ty B là vì mục đích chung của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 139 Bộ luật Dân sự 2015. Hợp đồng số: 030-2017/HĐHP/BTC và số 049-2017/HĐHP/BTC có hiệu lực pháp luật theo Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc hợp đồng vô hiệu.

[2.4] Theo bị đơn, tại Văn bản thỏa thuận Hợp đồng và cam kết ngày 10/8/2018 giữa NLQ 2 và NLQ 3, NLQ 1 cam kết chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty, các khoản vay nợ, huy động vốn của Công ty được xác lập trước ngày 10/8/2018. NLQ 3 tiếp tục chuyển nhượng cổ phần cho NLQ 4, NLQ 4 tiếp tục chuyển nhượng cho Ông L. Các văn bản thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa NLQ 1, NLQ 3, NLQ 4 và Ông L đều xác định không phải chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của Công ty từ thời điểm trước khi các cổ đông mua lại cổ phần của Công ty B. Xét, nghĩa vụ thực hiện các Hợp đồng số: 030-2017/HĐHP/BTC và số 049-2017/HĐHP/BTC là của Công ty B. Các cổ đông thỏa thuận chuyển trách nhiệm của Công ty đối với Bà Lương Thị T cho người thứ ba mà không được Bà Lương Thị T đồng ý là trái quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự. Mặt khác, Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 114 Luật Doanh nghiệp

2014 nhưng sau khi nhận hoàn thành việc chuyển nhượng theo Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014 thì cổ đông nhận chuyển nhượng phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 110 Luật này. Trường hợp có phát sinh tranh chấp giữa các bên chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng cổ phần liên quan đến trách nhiệm phát sinh từ các hợp đồng huy động vốn của Công ty B thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.5] Về việc chấm dứt hợp đồng, Công ty B không thực hiện việc hoàn lại gói ưu đãi học phí khi hết thời gian cam kết tham gia tối thiểu là vi phạm mục 8.1 Điều 8 và Điều 9 của các Hợp đồng tham gia chương trình ưu đãi học phí. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty B phải hoàn trả cho Bà T số tiền đã đóng đối với Hợp đồng số: 030-2017/HĐHP/BTC là 200.000.000 đồng và Hợp đồng số: 049-2017/HĐHP/BTC là 100.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với Điều 280 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu tính lợi nhuận và lãi suất của Bà T là đúng với thỏa thuận tại mục 8.2 và 8.3 Điều 8 các Hợp đồng này.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty B. Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phù hợp với phân tích nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm. Do không chấp nhận kháng cáo nên Công ty B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 117, khoản 2 Điều 139, Điều 142, 143, Điều 280 và Điều 370 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điểm d khoản 1 Điều 110, điểm d khoản 1 Điều 114, Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014

- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2022/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tham gia chương trình ưu đãi học phí*" của nguyên đơn Bà Lương Thị T đối với bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B phải trả cho bà Lương Thị T tính số tiền 487.397.260 đồng (*Bốn trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B phải chịu là 23.495.890 đồng (*Hai mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng*).

2.2. Hoàn trả cho Bà Lương Thị T số tiền tạm ứng án phí 9.090.965 đồng (*Chín triệu, không trăm chín mươi nghìn, chín trăm sáu mươi lăm đồng*), đã nộp theo Biên lai thu số 0008315 ngày 24/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

2.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đào tạo B phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ, được trừ với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0006305 ngày 20/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Vương Thảo